

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PA
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2018/HS-ST
Ngày 27 - 3 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PA TỈNH GIA LAI**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Khắc Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Liễu và bà Phan Thị Mỹ Lệ

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Hải Biển – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Liệu – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 04/2018/TLST – HS ngày 25 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2018/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 3 năm 2018 đối với bị cáo:

T, sinh năm 1995 tại huyện K, tỉnh Gia Lai; Nơi cư trú: Buôn T, xã P, huyện K, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hóa (học vấn): 0/12; dân tộc: Jrai; giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông K và bà R; tiền án, tiền sự: không; có vợ là R; bị cáo bị bắt tạm giữ theo quyết định truy nã ngày 28/11/2017 đến ngày 01/12/2017 chuyển sang tạm giam cho đến nay và có mặt tại phiên tòa.

-Người bào chữa cho bị cáo R: Bà N – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông K, sinh năm 1954
Trú tại: Buôn T, xã P, huyện K, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

-Người làm chứng:

+ Anh K, sinh năm 1993

Trú tại: Buôn T, xã P, huyện K, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

+ Anh M, sinh ngày 01/01/1999

Trú tại: Buôn H, xã C, huyện K, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Người phiên dịch tiếng Jrai: Anh N, sinh năm 1986
Địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn P, huyện K, tỉnh Gia Lai. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 12 giờ ngày 12/10/2016, M rủ các đối tượng P, K và T đến nhà M nhậu ở buôn H, xã C. Đến 14 giờ 30 phút cùng ngày thì K rủ cả nhóm đi ra sông P kéo cá nhậu tiếp thì P, M đồng ý đi còn T ở nhà ngủ. K điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Exciter 135, màu xanh, biển kiểm soát 81N1-07441 của anh B (K mượn trước đó), chở P, M đi từ đường liên thôn ra đường S đi về hướng xã I, khi chạy đến ngã ba Mí T (giao cắt giữa đường liên thôn và đường S), gặp C thì rủ ra sông Pa kéo cá nhậu, C đồng ý cùng đi. K điều khiển xe mô tô chở theo M, P, C, trên đường đi K nói với cả bọn “Gặp con gì thì bắt làm thịt nhậu”, cả nhóm đồng ý. Khi chạy đến gần cầu suối C, thuộc buôn H, xã C cả nhóm nhìn thấy 01 con dê cái đen trắng, ăn cỏ ở gần đường, không có dây buộc, không người trông coi. M hô lên “Dê kia”, K dừng xe ở lại ven đường trông xe và quan sát, M, P và C xuống xe đuổi bắt con dê. Sau khi bắt được, M bảo P, C ở lại trông con dê, rồi nói K chở M về nhà mình lấy bao đựng dê đi tiêu thụ. Khi về nhà lấy bao thì gặp B đến lấy lại chiếc xe Exciter mà K đang đi, M vào nhà lấy một cái bao màu đỏ và rủ T đi cùng, T có hỏi M đi đâu thì M bảo “Cứ đi rồi biết”. Thấy T đi ra, K nói T lấy xe mô tô, biển kiểm soát 33L1-6974 của T để đi. Khi đến nơi, K đứng ngoài đường cảnh giới còn M và T đi vào chỗ P, C và T hỏi “dê trộm cắp à”, M nói “ừ”, rồi T khiêng con dê bỏ vào bao, T bảo P và C đi bộ về nhà, còn K, M và T mang dê qua xã I để bán, trên đường chở dê đi bán sợ bị phát hiện nên đem giấu con dê vào một rẫy mỳ của U (thuộc buôn B, xã I) rồi về nhà anh N (anh rể của T) ở buôn K, xã I. Tại đây K có gạ bán con dê cho anh N với giá 400.000 đồng nhưng anh N không mua. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, T điều khiển xe chở M, K đi đến lấy con dê đem đi bán. Trên đường đi T nói biết chỗ bán dê ở thị trấn P và nói M, K để T đi bán cho. Đến nơi, M ở lại trông xe còn K và T đi lấy dê, K đi trước còn T đi sau cách nhau 10m. Khi vừa bước vào trong rẫy mỳ để lấy dê thì K bị Công an xã I bắt giữ. Th thấy vậy bỏ chạy đến chỗ M, rồi cả hai tẩu thoát.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 45/KL-HĐĐG ngày 21/10/2016 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện K, xác định 01 con dê cái có trọng lượng 42kg, loại pha lai, lông màu đen trắng có trị giá là 5.880.000 đồng.

T sau khi phạm tội đã bỏ trốn khỏi địa phương. Cơ quan CSĐT Công an huyện K đã ra Quyết định truy nã nhưng chưa bắt được T nên ngày 25/8/2017 đã ra Quyết định tách vụ án để điều tra theo quy định.

Tại bản án số 33/2017/HS-ST ngày 19/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện K đã xét xử các bị cáo K, M, C và P về tội “Trộm cắp tài sản”.

Ngày 28/11/2017 T đã bị bắt theo quyết định truy nã nên Cơ quan CSĐT Công an huyện K đã phục hồi điều tra để điều tra, truy tố và xét xử bị cáo T.

Về dân sự và vật chứng vụ án đã được giải quyết xong tại bản án 33/2017/HS-ST ngày 19/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện K.

Đối với xe mô tô biển kiểm soát 33L1-6974 mà bị cáo T điều khiển chở K và M đi tiêu thụ dê, xe mô tô này là của cha bị cáo T là ông G, việc T lấy xe đi làm phương tiện để tiêu thụ tài sản do trộm cắp mà có thì ông G không biết nên Cơ quan CSĐT không thu giữ để xử lý.

Tại bản cáo trạng số 09/CTr-VKS ngày 24 tháng 01 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai truy tố bị cáo T về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo khoản 1 Điều 250 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 (sau đây gọi tắt là BLHS 1999).

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã nêu.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo T vào tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây gọi tắt là HĐXX): Áp dụng khoản 1 Điều 250 của BLHS 1999; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 54; khoản 3 Điều 57 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (Sau đây gọi tắt là BLHS 2015): xử phạt bị cáo T từ 04 đến 06 tháng tù; do bị cáo là người dân tộc thiểu số hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung, ngoài ra bị cáo còn phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Quan điểm bào chữa của Trợ giúp viên pháp lý cho bị cáo đồng ý với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pa về tội danh, điều luật áp dụng, các tình tiết giảm nhẹ và đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo không quá 04 tháng tù.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định về hành vi phạm tội của bị cáo như sau:

[1] Vào chiều ngày 12/10/2016, sau khi K, M, P và C trộm cắp dê của ông P xong thì M về nhà lấy bao để đựng dê và rủ bị cáo T đi cùng. Khi đi đến chỗ P, C đang trông coi dê, bị cáo T hỏi “dê trộm cắp à”, M nói “ừ”, rồi bị cáo T khiêng con dê bỏ vào bao. T bảo P và C đi bộ về nhà, còn K, M và T mang dê qua xã I để bán, trên đường chở dê đi bán sợ bị phát hiện nên cả nhóm đem giấu con dê vào một rẫy mì rồi đi đến nhà anh Ksor N gạ bán con dê cho anh N với giá 400.000đ nhưng anh N không mua. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, bị cáo T điều khiển xe chở M, K đi đến lấy con dê đem đi bán. Trên đường đi T nói biết chỗ bán dê ở thị trấn P và nói M, K để T đi bán cho. Tuy nhiên, khi K vừa vào chỗ giấu dê thì bị Công an xã I bắt giữ. Bị cáo T thấy vậy bỏ chạy đến chỗ M, rồi cả hai tẩu thoát.

Như vậy, mặc dù biết rõ con dê là do K, M, P và C trộm cắp mà có nhưng vì ham lợi bất chính nên bị cáo T đã chủ động cùng với K và M bàn cách đưa con dê đi bán. Nhưng vụ việc bị phát hiện, K bị công an xã I bắt giữ nên không bán được dê là nằm ngoài ý muốn chủ quan của bị cáo. Do đó hành vi của bị cáo T đã thỏa mãn dấu hiệu cấu thành tội *“Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”* được quy định tại khoản 1 Điều 250 của BLHS 1999.

Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nội dung của bản cáo trạng, lời khai của người làm chứng và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. HĐXX có đủ căn cứ để kết luận hành vi của bị cáo T đã phạm vào tội *“Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”*, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 250 của BLHS 1999. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pa truy tố bị cáo về hành vi theo tội danh trên là đúng người, đúng tội và có căn cứ pháp luật.

[2] *Về điều luật áp dụng*: Hành vi phạm tội của bị cáo T xảy ra vào ngày 12/10/2016. Căn cứ Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 có hiệu lực từ ngày 01/01/2018, đối chiếu hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 250 BLHS 1999 và khoản 1 Điều 323 BLHS 2015 thì khoản 1 Điều 250 BLHS 1999 có quy định nhẹ hơn nên HĐXX áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 250 BLHS 1999 để xử phạt bị cáo T là đúng theo quy định của pháp luật.

[3] *Về tình tiết định khung hình phạt*: Hành vi của bị cáo T không vi phạm các tình tiết định khung tăng nặng khác nên chỉ bị xét xử ở khoản 1 Điều 250 của BLHS 1999.

[4] *Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt*: Bị cáo T là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi nguy hiểm và gây hậu quả xấu cho xã hội làm mất an ninh trật tự, an toàn xã hội ở vùng nông thôn. Nay cần xét đến nhân thân và các tình tiết tăng nặng cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo để cá thể hóa hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo là điều cần thiết.

Bị cáo T mặc dù không hứa hẹn, không tham gia trộm cắp tài sản là con dê của ông Ksor P cùng với các đồng phạm là K, M, P và C nhưng lại chủ động bàn bạc, tích cực tìm cách bán con dê mà bị cáo biết rõ là tài sản do trộm cắp mà có nên bị cáo phải chịu toàn bộ trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình trong vụ án này. Trong quá trình điều tra, bị cáo bỏ trốn nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K ra Quyết định truy nã bị cáo và đến ngày 28/11/2017 mới bắt được bị cáo. Việc trốn tránh của bị cáo T đã gây khó khăn cho công tác điều tra, truy tố, xét xử, làm kéo dài vụ án thể hiện thái độ coi thường pháp luật của bị cáo, đây là tình tiết để HĐXX xem xét khi lượng hình đối với bị cáo.

Tuy nhiên, khi bị cáo T cùng với K và M khi đem dê đi tiêu thụ nhưng chưa bán được thì đã bị Công an phát hiện, bắt giữ con dê. Tội phạm mà bị cáo T thực hiện đã hoàn thành nhưng thuộc trường hợp chưa đạt nên cần áp dụng Điều 57 của BLHS 2015 cho bị cáo. Ngoài ra, bị cáo T không có tiền án, tiền sự, không có tình tiết tăng

nặng, tại phiên toà bị cáo cũng đã tỏ ra thành khẩn khai báo, thật sự có thái độ ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo khi lượng hình quy định tại điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 của BLHS 2015.

Bên cạnh đó, bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng đặc biệt khó khăn của huyện K, không có học vấn, có nhận thức về pháp luật, xã hội còn hạn chế, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khác quy định tại khoản 2 Điều 51 của BLHS 2015 được áp dụng cho bị cáo.

Xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, cân nhắc các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, lời luận tội của Kiểm sát viên và người bào chữa cho bị cáo T, thì HĐXX xét thấy bị cáo T có từ 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 của BLHS 2015 nên có đủ điều kiện để áp dụng Điều 54 của BLHS 2015 cho bị cáo hưởng hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà điều luật đã quy định là có căn cứ pháp lý và phù hợp với tính nhân đạo của Nhà nước. Tuy nhiên vẫn cần xử phạt bị cáo T hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để nhằm mục đích trừng trị nhưng cũng giúp cho bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm, cải tạo trở thành công dân có ích cho xã hội, có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống.

Xét quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[5] *Về vấn đề liên quan khác:* Đối với hành vi trộm cắp tài sản của K, M, P và C đã bị xét xử tại bản án số 33/2017/HS-ST ngày 19/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện K. Nay HĐXX không xem xét đến.

Đối với xe mô tô biển kiểm soát 33L1- 6974 mà bị cáo T điều khiển chở K và M đi tiêu thụ dê, xe mô tô này là của cha đẻ bị cáo T là ông G, việc Th lấy xe đi làm phương tiện để tiêu thụ tài sản do trộm cắp mà có thì ông G không biết nên nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không thu giữ để xử lý là có căn cứ pháp lý. Nay HĐXX không xem xét đến.

[6] *Về dân sự và vật chứng vụ án:* đã được giải quyết xong tại bản án số 33/2017/HS-ST ngày 19/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pa. Còn người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có yêu cầu gì. Nên HĐXX cũng không xem xét đến nữa.

[7] *Về hình phạt bổ sung:* Trong quá trình điều tra xác định bị cáo là người dân tộc thiểu số, có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không có tài sản gì có giá trị nên Hội đồng xét xử thấy không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là phù hợp.

[8] *Về án phí:* Bị cáo T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật để sung quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo T phạm tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

1. Áp dụng khoản 1 Điều 250 của BLHS 1999; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 54 và khoản 3 Điều 57 của BLHS 2015:

Xử phạt bị cáo T 05(Năm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ là ngày 28/11/2017.

2. Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo T phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (27/3/2018), còn người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông G có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật để yêu cầu Toà án Nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai (01 bản);
- VKSND h. Krông Pa (02 bản);
- Công an h. Krông Pa (03 bản);
- Bị cáo (01 bản);
- Chi cục THADS h. Krông Pa (01 bản);
- Lưu HS vụ án, THA hình sự (02 bản).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Khắc Toàn